

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

2. Ông Đặng Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thủy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hà T**, sinh năm 1994

HKTT: TDP Bần, **phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;**

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Mạnh H**, sinh năm 1991

HKTT: TDP Bần, **phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;**

Địa chỉ hiện nay: **Chợ B, M, Campuchia.**

(Vắng mặt, có ý kiến xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trần Thị Hà T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **H** được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 20 tháng 9 năm 2014. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ dân phố B, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 6 năm 2023 chị **T** và anh **H** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Đến tháng 7 năm 2023, anh **H** đi nước ngoài, anh có gọi điện và gửi tiền về nuôi con. Do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn. Anh **H** và chị **T** đã nhiều lần hòa giải và hàn gắn nhưng không được. Nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh **Hoàng Mạnh H** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là **Hoàng Trần Tuệ M**, sinh ngày 27/9/2017 và **Hoàng Phúc H1**, sinh ngày 08/4/2020, hiện nay đang ở với chị **T**. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh **Hoàng Mạnh H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị **Trần Thị Hà T**. Về quan hệ hôn nhân anh xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Tới tháng 7 năm 2023 anh đi nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị **T** xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị **T**. Do hiện nay anh ở nước ngoài, không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, và anh có ủy quyền cho chị **Trần Thị Hà T** thay anh nhận văn bản, bản án và quyết định của Tòa án. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên những nội dung mà anh đã trình bày ở trên.

Về con chung: Anh **H** nhất trí cho chị **T** được nuôi 02 con chung. Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng. Anh nhất trí và không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Hà T**, cho chị **T** được ly hôn với anh **Hoàng Mạnh H**. Về con chung: Giao 02 con chung là **Hoàng Trần Tuệ M**, sinh ngày 27/9/2017 và **Hoàng Phúc H1**, sinh ngày 08/4/2020 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh **H** do chị **T** không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không giải quyết. Chị **Trần Thị Hà T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 33684/QLXNC-P3 ngày 15/12/2023 của **Cục Q**, **Bộ C** xác định công dân **Hoàng Mạnh H**, sinh ngày 20/11/1991 có thông tin xuất cảnh ngày 02/11/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong quá trình Tòa án thụ lý đang ở nước ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn về nước và đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để làm việc. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại buổi làm việc, anh **H** xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên những ý kiến đã trình bày, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa chị **Trần Thị Hà T** và anh **Hoàng Mạnh H** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã Đ**, **huyện P**, **tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xóm P, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 6 năm 2023 chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Đến tháng 7 năm 2023, anh H đi nước ngoài. Do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn. Anh H và chị T đã nhiều lần hòa giải và hàn gắn nhưng không được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Hoàng Mạnh H để ổn định cuộc sống. Tại bản tự khai của anh H, anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh đồng ý ly hôn với chị T. Thấy rằng, anh H và chị T đã sống xa cách nhau, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hà T, cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là 02 con chung là Hoàng Trần Tuệ M, sinh ngày 27/9/2017 và Hoàng Phúc H1, sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Thông qua bản tự khai của anh H, anh cũng nhất trí để chị T được nuôi 02 con chung và không có ý kiến gì về cấp dưỡng. Do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 con chung là Hoàng Trần Tuệ M, sinh ngày 27/9/2017 và Hoàng Phúc H1, sinh ngày 08/4/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5]. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Trần Thị Hà T**. Chị **Trần Thị Hà T** được ly hôn với anh **Hoàng Mạnh H**.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là **Hoàng Trần Tuệ M**, sinh ngày 27/9/2017 và **Hoàng Phúc H1**, sinh ngày 08/4/2020 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh **Hoàng Mạnh H** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh **H** do chị **T** không yêu cầu.

2.4. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Hà T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000160 ngày 08/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị Hà T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ tuyên án; anh **Hoàng Mạnh H** được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ích Yên

